

**TỔNG HỢP CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Văn	274	42	15,33	102	37,23	113	41,24	17	6,20		
2	Lịch sử	274	55	20,07	98	35,77	114	41,61	7	2,55		
3	GDCD	274	83	30,29	157	57,30	34	12,41	0	0,00		
4	Toán	274	64	23,36	99	36,13	90	32,85	21	7,66		
5	Vật lý	274	55	20,07	102	37,23	101	36,86	18	6,57		
6	CN	274	82	29,93	139	50,73	57	20,80	0	0,00		
7	Sinh	274	61	22,26	124	45,26	89	32,48	0	0,00		
8	Hóa	117	19	16,24	56	47,86	39	33,33	3	2,56		
9	Địa lý	274	56	20,44	116	42,34	94	34,31	8	2,92		
10	Anh	274	60	21,90	101	36,86	99	36,13	14	5,11		
CÁC MÔN ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT			ĐẠT YÊU CẦU						KHÔNG ĐẠT			
11	Mĩ thuật	274	274		100%							
12	Âm nhạc	274	274		100%							
13	Thể dục	274	274		100%							

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHXH
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	GIỎI		KHÁ		TB		YẾU			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	NGŨ VĂN	6A1	43	7	16,28	18	41,86	16	37,21	2	4,65		
2		6A2	43	3	6,98	12	27,91	23	53,49	5	11,63		
3			0										
4			0										
5			0										
		Tổng	86	10	11,63	30	34,88	39	45,35	7	8,14	0	
1	NGŨ VĂN	7B1	36	8	22,22	17	47,22	11	30,56	0			
2		7B2	35	1	2,86	10	28,57	21	60,00	3	8,57		
3			0										
4													
5													
		Tổng	71	9	12,68	27	38,03	32	45,07	3	4,23	0	
1	NGŨ VĂN	8C1	29	5	17,24	12	41,38	10	34,48	2	6,90		
2		8C2	27	3	11,11	8	29,63	13	48,15	3	11,11		
3			0										
4													
		Tổng	56	8	14,29	20	35,71	23	41,07	5	8,93	0	
1	NGŨ VĂN	9D1	31	10	32,26	15	48,39	6	19,35	0			
2		9D2	30	5	16,67	10	33,33	13	43,33	2	6,67		
3			0										
4													
5			0										
		Tổng	61	15	24,59	25	40,98	19	31,15	2	3,28	0	
Toàn trường			274	42	15,33	102	37,23	113	41,24	17	6,20	0	

CHỈ TIÊU PHẢN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHXH
NĂM HỌC 2020 - 2021

TT	Môn	Lớp	TSHS	GIỎI		KHÁ		TB		YẾU			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	LỊCH SỬ	6A1	43	5	11,63	15	34,88	21	48,84	2	4,65		
2		6A2	43	3	6,98	14	32,56	23	53,49	3	6,98		
3			0										
4			0										
5			0										
		Tổng	86	8	9,30	29	33,72	44	51,16	5	5,81	0	
1	LỊCH SỬ	7B1	36	10	27,78	16	44,44	10	27,78	0			
2		7B2	35	5	14,29	12	34,29	16	45,71	2	5,71		
3			0										
4													
5													
		Tổng	71	15	21,13	28	39,44	26	36,62	2	2,82	0	
1	LỊCH SỬ	8C1	29	9	31,03	11	37,93	9	31,03	0			
2		8C2	27	6	22,22	8	29,63	13	48,15	0			
3			0										
4													
		Tổng	56	15	26,79	19	33,93	22	39,29	0		0	
1	LỊCH SỬ	9D1	31	11	35,48	12	38,71	8	25,81	0			
2		9D2	30	6	20,00	10	33,33	14	46,67	0			
3			0										
4													
5													
		Tổng	61	17	27,87	22	36,07	22	36,07	0		0	
Toàn trường			274	55	20,07	98	35,77	114	41,61	7	2,55	0	

**CHỈ TIÊU PHẢN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHXH
NĂM HỌC 2020-2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	GIỎI		KHÁ		TB		YẾU			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	GDCD	6A1	43	17	39,53	20	46,51	6	13,95				
2		6A2	43	14	32,56	23	53,49	6	13,95				
3													
4													
5													
		Tổng	86	31	72,09	43	100	12	27,91	0			
1	GDCD	7B1	36	12	3,33	19	52,78	5	13,89				
2		7B2	35	5	1,43	23	65,71	7	20,00				
3													
4													
5													
		Tổng	71	17	23,94	42	59,15	12	16,90	0		0	
1	GDCD	8C1	29	10	34,48	17	58,62	2	6,90	0			
2		8C2	27	6	22,22	18	66,67	3	11,11	0			
3		0											
4													
		Tổng	56	16	28,57	35	62,50	5	8,93	0		0	
1	GDCD	9D1	31	12	38,71	17	54,84	2	6,45	0			
2		9D2	30	7	23,33	20	66,67	3	10,00	0			
3		0											
4													
5													
		Tổng	61	19	31,15	37	60,66	5	8,20	0		0	
Toàn trường			274	83	30,29	157	57,30	34	12,41	0		0	

43

43

0

0

0

86

36

35

0

0

0

71

0

0

56

31

30

**CHỈ TIÊU PHẢN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHXH
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	GIỎI		KHÁ		TB		YẾU			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	TIẾNG ANH	6A1	43	12	27,91	15	34,88	14	32,56	2	4,65		
2		6A2	43	10	23,26	14	32,56	16	37,21	3	6,98		
3													
4													
5													
		Tổng	86	22	25,58	29	33,72	30	34,88	5	5,81	0	
1	TIẾNG ANH	7B1	36	8	22,22	17	47,22	10	27,78	1	2,78		
2		7B2	35	3	8,57	7	20,00	20	57,14	5	14,29		
3													
4													
5													
		Tổng	71	11	15,49	24	33,80	30	42,25	6	8,45	0	
1	TIẾNG ANH	8C1	29	9	31,00	11	37,93	8	27,59	1	3,44		
2		8C2	27	6	22,00	8	29,63	11	40,74	2	7,41		
3													
4													
		Tổng	56	15	26,79	19	33,93	19	33,93	3	5,36	0	
1	TIẾNG ANH	9D1	31	7	31,00	14	45,16	10	32,26	0			
2		9D2	30	5	22,00	15	50,00	10	33,33	0			
3													
4													
5													
		Tổng	61	12	19,67	29	47,54	20	32,79	0		0	
Toàn trường			274	60	21,90	101	36,86	99	36,13	14	5,11	0	

43

43

0

0

0

86

36

35

0

0

0

71

29

27

0

0

56

31

30

CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHTN
NĂM HỌC 2020 - 2021

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình		Yếu		Kém	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	ĐỊA	6A1	43	12	27,91	25	58,14	6	13,95	0			
2		6A2	43	8	18,60	23	53,49	12	27,91	0			
3													
4													
		Tổng	86	20	23,26	48	55,81	18	20,93	0		0	
1	ĐỊA	7B1	36	5	13,8	12	33,3	18	50	1	2,7		
2		7B2	35	1	2,8	5	14,2	25	71,4	4	11,4		
3													
4													
		Tổng	71	6	8,45	17	23,94	43	60,56	5	7,04	0	
1	ĐỊA	8C1	29	7	24,1	13	44,8	9	31	0	0		
2		8C2	27	3	11,1	9	33,3	12	44,4	3	11,1		
3													
4													
5													
		Tổng	56	10	17,86	22	39,29	21	37,50	3	5,36		
1	ĐỊA	9D1	31	12	38,7	16	51,6	3	9,6	0	0		
2		9D2	30	8	26,6	13	43,3	9	30	0	0		
3													
4													
		Tổng	61	20	32,79	29	47,54	12	19,67	0			
Toàn trường			274	56	20,44	116	42,34	94	34,31	8	2,92		

86

36

35

0

0

71

29

27

0

0

0

56

31

30

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KI
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	TOÁN	6A1	43	11	25,58	14	32,56	14	32,56
2		6A2	43	8	18,60	12	27,91	18	41,86
3									
4									
		Tổng	86	19	22,09	26	30,23	32	37,21
1	TOÁN	7B1	36	12	33,33	15	41,67	8	22,22
2		7B2	35	2	5,71	15	42,86	15	42,86
3									
4									
		Tổng	71	14	19,72	30	42,25	23	32,39
1	TOÁN	8C1	29	7	24,14	9	31,03	11	37,93
2		8C2	27	6	22,22	9	33,33	10	37,04
3									
4									
		Tổng	56	13	23,21	18	32,14	21	37,50
1	TOÁN	9D1	31	11	35,48	12	38,71	6	19,35
2		9D2	30	7	23,33	13	43,33	8	26,67
3									
4									
		Tổng	61	18	29,51	25	40,98	14	22,95
Toàn trường			274	64	23,36	99	36,13	90	32,85

HTN

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
4	9,30	0	
5	11,63	0	
		0	
9	10,47	0	
1	2,78	0	
3	8,57	0	
4	5,63	0	
2	6,90	0	
2	7,41	0	
		0	
		0	
		0	
4	7,14	0	
2	6,45	0	
2	6,67	0	
		0	
		0	
4	6,56	0	
21	7,66	0	

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KI
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	CN	6A1	43	14	32,56	23	53,49	6	13,95
2		6A2	43	11	25,58	20	46,51	12	27,91
3									
4									
		Tổng	86	25	29,07	43	50,00	18	20,93
1	CN	7B1	36	15	41,67	15	41,67	6	16,67
2		7B2	35	10	28,57	15	42,86	10	28,57
3									
4									
		Tổng	71	25	35,21	30	42,25	16	22,54
1	CN	8C1	29	7	24,14	17	58,62	7	24,14
2		8C2	27	5	18,52	18	66,67	6	22,22
3									
4									
		Tổng	56	12	21,43	35	62,50	13	23,21
1	CN	9D1	31	12	38,71	15	48,39	4	12,90
2		9D2	30	8	26,67	16	53,33	6	20,00
3									
4									
		Tổng	61	20	32,79	31	50,82	10	16,39
Toàn trường			274	82	29,93	139	50,73	57	20,80

TT	Môn	Khối	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
	CN	6	86	25	29,07	43	50,00	16	20,93
		7	71	25	35,21	30	42,25	16	22,54
		8	56	12	21,43	35	62,50	13	23,21
		9	61	57	12,41	56	38,62	67	46,21
Toàn trường			274	82	29,93	139	50,73	57	20,80

HTN

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
0		0	
0		0	
0			
0		0	
0			
0			
0			
0		0	
0		0	

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
0	7,56	0	
0		0	
0	4,60	0	
4		0	
0		0	

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KHTN
NĂM HỌC 2019 - 2020**

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	LÍ	6A1	43	9	20,93	14	32,56	17	39,53
2		6A2	43	7	16,28	12	27,91	21	48,84
3									
4									
		Tổng	86	16	18,60	26	30,23	38	44,19
1	LÍ	7B1	36	12	33,33	17	47,22	5	13,89
2		7B2	35	2	5,71	13	37,14	20	57,14
3									
4									
		Tổng	71	14	19,72	30	42,25	25	35,21
1	LÍ	8C1	29	4	13,79	12	41,38	11	37,93
2		8C2	27	4	14,81	8	29,63	13	48,15
3									
4									
5									
		Tổng	56	8	14,29	20	35,71	24	42,86
1	LÍ	9D1	31	10	32,26	12	38,71	7	22,58
2		9D2	30	7	23,33	14	46,67	7	23,33
3									
4									
		Tổng	61	17	27,87	26	42,62	14	22,95
Toàn trường			274	55	20,07	102	37,23	101	36,86

MÔN LÍ

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
3	6,98		
3	6,98		
6	6,98	0	
2	5,56		
2	5,71		
4	5,63	0	
2	6,90		
2	7,41		
4	7,14		
2	6,45		
2	6,67		
4	6,56		
18	6,57		

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KI
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	SINH	6A1	43	11	25,58	23	53,49	9	20,93
2		6A2	43	9	20,93	20	46,51	14	32,56
3									
4									
		Tổng	86	20	23,26	43	50,00	23	26,74
1	SINH	7B1	36	11	30,56	18	50,00	7	19,44
2		7B2	35	5	14,29	15	42,86	15	42,86
3									
4									
		Tổng	71	16	22,54	33	46,48	22	30,99
1	SINH	8C1	29	6	20,69	15	51,72	8	27,59
2		8C2	27	4	14,81	12	44,44	11	40,74
3									
4									
		Tổng	56	10	17,86	27	48,21	19	33,93
1	SINH	9D1	31	10	32,26	11	35,48	10	32,26
2		9D2	30	5	16,67	10	33,33	15	50,00
3									
4									
		Tổng	61	15	24,59	21	34,43	25	40,98
Toàn trường			274	61	22,26	124	45,26	89	32,48

HTN

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
0			
0			
0		0	
0			
0			
0		0	
0		0	
0		0	
0			
0		0	
0		0	
0			
0			

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC MÔN HỌC CỦA TỔ KI
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Môn	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình	
				SL	%	SL	%	SL	%
1									
2									
3									
4									
		Tổng	0	0		0		0	
1									
2									
3									
4									
		Tổng	0	0		0		0	
1	HÓA	8C1	29	5	17,24	14	48,28	9	31,03
2		8C2	27	4	14,81	12	44,44	9	33,33
3									
4									
		Tổng	56	9		26		9	
1	HÓA	9D1	31	6	19,35	16	51,61	9	29,03
2		9D2	30	4	13,33	14	46,67	12	40,00
3									
4									
		Tổng	61	10	16,39	30	49,18	21	34,43
Toàn trường			117	19	16,24	56	47,86	39	33,33

HTN

Yếu		Kém	
SL	%	SL	%
0		0	
0		0	
1	3,45		
2	7,41		
3		0	
0	0,00	0	0,00
0	0,00	0	0,00
0		0	
3	2,56	0	